



BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI
SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Bao bì Sông Đà) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Sản xuất Bao bì - Công ty Sông Đà 12 theo Quyết định số 383/QĐ - BXD ngày 07 tháng 4 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000082, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 14 lần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, bổ sung về việc tăng vốn điều lệ, thay đổi mã số doanh nghiệp thành số 0500436570, thay đổi ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 được cấp ngày 26 tháng 12 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 3 3 521 290

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và nhựa ; Kinh doanh vật tư.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng San	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Lợi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Quang Thiều	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Bà Phùng Thị Huyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Bùi Minh Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Quân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trọng Trãi	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Lợi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2014
Ông Đỗ Văn Hách	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 8 năm 2018

Kế toán trưởng Bà Nguyễn Hồng Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trọng Trãi - Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn
Số: 2.0476/22/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		164.099.637.245	152.570.376.083
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	13.016.080.001	10.718.575.780
1. Tiền	111		7.016.080.001	8.718.575.780
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.147.961.000	6.097.758.955
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	7.194.526.350	6.097.758.955
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(3.046.565.350)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	4.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		92.700.097.197	91.602.282.841
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	103.329.805.814	97.239.716.016
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		54.927.000	36.372.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	7.500.000.000	10.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.126.107.399	6.290.380.547
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(23.310.743.016)	(21.964.186.222)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		47.035.725.086	42.308.848.219
1. Hàng tồn kho	141	V.7	47.035.725.086	42.308.848.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.199.773.961	1.842.910.288
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	66.268.589	122.849.023
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.133.505.372	1.720.061.265
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.663.838.087	23.048.647.623
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.457.894.206	6.333.949.090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	8.457.894.206	6.333.949.090
<i>Nguyên giá</i>	222		52.356.490.405	50.244.648.871
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(43.898.596.199)	(43.910.699.781)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	13.096.101.852	12.308.622.778
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.850.000.000	14.850.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.775.000.000	2.775.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.528.898.148)	(5.316.377.222)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.109.842.029	4.406.075.755
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.109.842.029	4.406.075.755
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		189.763.475.332	175.619.023.706

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		52.490.893.715	33.904.184.075
I. Nợ ngắn hạn	310		52.490.893.715	33.904.184.075
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	33.703.577.869	27.350.516.573
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		988.293.236	2.888.868.290
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	899.616.733	584.545.628
4. Phải trả người lao động	314		1.052.557.131	2.005.018.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		37.230.265	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		51.916.818	61.847.872
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	14.797.914.910	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	959.786.753	1.013.386.753
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.272.581.617	141.714.839.631
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	137.272.581.617	141.714.839.631
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.457.440.000	80.457.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.457.440.000	80.457.440.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.261.553.850	42.261.553.850
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(308.195.830)	(308.195.830)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.381.893.567	11.381.893.567
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.479.890.030	7.922.148.044
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.504.497.644	7.922.148.044
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.975.392.386	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		189.763.475.332	175.619.023.706

Người lập biểu

Ngô Thị Phò

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	120.631.805.458	114.725.412.254
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	11.600.000	33.300.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		120.620.205.458	114.692.112.254
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	109.369.329.297	102.198.902.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.250.876.161	12.493.210.065
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.763.957.198	460.611.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.580.051.082	1.024.955.597
Trong đó: chi phí lãi vay	23		220.595.334	201.266.620
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	2.123.787.674	1.726.331.851
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	5.919.135.818	4.673.871.661
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.391.858.785	5.528.662.324
11. Thu nhập khác	31	VI.8	105.300.000	494.590.593
12. Chi phí khác	32	VI.9	24.000.000	24.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		81.300.000	470.590.593
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.473.158.785	5.999.252.917
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	497.766.399	1.203.782.930
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.975.392.386	4.795.469.987
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	246	598
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	246	598

Người lập biểu



Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.473.158.785	5.999.252.917
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	895.334.658	1.298.649.678
- Các khoản dự phòng	03	V.2; V.5	3.605.643.070	737.988.546
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	55.722.265	(46.634.989)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4; VI.8	(572.039.385)	(771.177.610)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	220.595.334	201.266.620
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.678.414.727	7.419.345.162
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.039.157.168)	(5.106.671.140)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.726.876.867)	(5.855.194.186)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.576.160.570	(5.456.750.682)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		352.814.160	(255.147.196)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(1.096.767.395)	(1.997.350.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(220.595.334)	(161.748.599)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(584.545.628)	(1.758.469.438)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(53.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.114.152.935)	(13.171.986.079)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.315.120.298)	(1.606.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		100.000.000	599.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.500.000.000	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		472.039.385	279.937.017
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.243.080.913)	(726.335.710)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	45.017.011.276	37.523.751.976
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(30.314.496.107)	(20.513.226.972)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.047.780.480)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>8.654.734.689</i>	<i>17.010.525.004</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.297.500.841	3.112.203.215
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.718.575.780	7.170.386.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.380	(4.219)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>13.016.080.001</u>	<u>10.282.585.993</u>

Người lập biểu

Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2022



Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh bao bì; Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và nhựa ; Kinh doanh vật tư.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà có trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Đông Phong, xã Đông Quan, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết là sản xuất sợi, vải dệt thoi và các sản phẩm từ nhựa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 14.850.000.000VND, tương đương 49,5% vốn điều lệ, tỷ lệ quyền biểu quyết là 49,5%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 174 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 172 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công nghiệp Việt Nam Chi nhánh Thành An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Thành An (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ kế toán do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của tại công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành. Chi phí sản phẩm dở dang được tính theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp, chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng tại tầng dịch vụ của dự án Tòa nhà T2- Dự án Thăng Long Victorya, chi phí được phân bổ theo thời gian thuê thực tế.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 5

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là khoản giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.346.809.167	991.861.482
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.669.270.834	7.726.714.298
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	6.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	<u>13.016.080.001</u>	<u>10.718.575.780</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	7.194.526.350	4.147.961.000	(3.046.565.350)	6.097.758.955	6.097.758.955	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Khải Hoàn Land (KHG)	1.245.589.345	555.444.000	(690.145.345)	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP)	2.481.828.106	1.131.165.000	(1.350.663.106)	-	-	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVF)	1.287.556.054	1.178.420.000	(109.136.054)	1.510.448.940	2.492.256.000	-
Công ty Cổ Phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (SCR)	1.647.490.845	1.020.807.000	(626.683.845)	1.647.490.845	2.397.605.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (HHV)	532.062.000	262.125.000	(269.937.000)	1.556.085.000	1.864.170.000	-
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội (MIG)	-	-	-	625.374.750	918.225.000	-
Các cổ phiếu khác	-	-	-	758.359.420	1.178.390.000	-
Cộng	7.194.526.350	4.147.961.000	(3.046.565.350)	6.097.758.955	8.850.646.000	-

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	-	163.088.310
Trích lập dự phòng bổ sung	3.046.565.350	-
Số cuối kỳ	3.046.565.350	163.088.310

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm. Giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2c. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết	14.850.000.000	(1.753.898.148)	14.850.000.000	(2.541.377.222)
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà ⁽ⁱ⁾	14.850.000.000	(1.753.898.148)	14.850.000.000	(2.541.377.222)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.775.000.000	(2.775.000.000)	2.775.000.000	(2.775.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 ⁽ⁱⁱ⁾	2.775.000.000	(2.775.000.000)	2.775.000.000	(2.775.000.000)
Cộng	17.625.000.000	(4.528.898.148)	16.675.000.000	(5.316.377.222)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1001114139 thay đổi lần 3 ngày 12 tháng 11 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà là 30.000.000.000 VND, tương đương với 3.000.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.485.000 cổ phiếu, tương đương với 49,5% vốn điều lệ tại Công ty này (không thay đổi so với đầu năm).
- (ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45 với số lượng cổ phiếu sở hữu là 125.000 cổ phiếu, tương đương 2.775.000.000 VND. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản đầu tư này theo số liệu báo cáo tài chính năm 2012 do không thu thập được báo cáo tài chính các năm sau.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà đang hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	5.316.377.222	4.502.517.008
Trích lập dự phòng bổ sung	-	810.611.951
Hoàn nhập dự phòng	(787.479.074)	
Số cuối kỳ	4.528.898.148	5.313.128.959

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết (Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà) như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng hóa cho bên liên kết	5.449.500.000	7.174.515.486
Doanh thu cho bên liên kết thuê tài sản	324.000.000	216.000.000
Thu nhập bán máy dệt cho bên liên kết	-	122.727.273
Chi phí thuê bên liên kết gia công vải dệt	1.272.744.000	956.276.000
Bù trừ công nợ	5.273.149.946	1.051.903.600
Mua vải dệt của bên liên kết	3.104.324.880	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	15.457.722.368	14.893.873.314
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP	14.880.022.314	14.893.873.314
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà	577.700.054	-
Phải thu các khách hàng khác	87.872.083.446	82.345.842.702
Công ty Cổ phần Hà Phương	17.359.271.000	14.220.449.000
Công ty Cổ phần Thương mại Phương Minh	15.478.843.200	14.400.115.500
Công ty TNHH Dương Hồng	9.268.581.129	9.348.581.129
Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long	8.429.808.000	10.654.320.000
Các khách hàng khác	37.335.580.117	33.722.377.073
Cộng	103.329.805.814	97.239.716.016

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác

Là khoản cho vay ông Nguyễn Văn Cường theo Hợp đồng cho vay vốn số 01-CT/VV ngày 20 tháng 12 năm 2021 với thời hạn vay không quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất 7%/năm. Khoản cho vay được đảm bảo bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 101 (NO 05- LK08) tờ bản đồ số 07, địa chỉ Khu Văn Phú, phường Phú La, quận Hà Đông, Hà Nội.

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	101.204.758	-	199.598.946	-
Ký cược, ký quỹ	995.855.317	-	1.798.813.561	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa Chất (*)	2.990.264.001	(2.990.264.001)	3.390.264.001	(3.390.264.001)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	160.021.918	-	21.156.164	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	878.761.405	(802.000.000)	880.547.875	(802.000.000)
Cộng	5.126.107.399	(3.792.264.001)	6.290.380.547	(4.192.264.001)

(*) Là khoản hợp tác đầu tư cùng với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất theo hợp đồng ký kết từ năm 2010, dự kiến đầu tư dự án nhà máy xử lý nước thải, khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai - Hà Nội. Tuy nhiên theo biên bản làm việc ngày 10 tháng 10 năm 2011 giữa hai bên thì bên B đề nghị bên A thanh toán số tiền còn lại do dự án chậm tiến độ. Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất còn nợ 2.990.264.001 VND.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP	14.880.022.314	(8.977.437.846)	14.893.873.314	(7.150.881.052)
Công ty TNHH Dương Hồng	9.268.581.129	(9.268.581.129)	9.348.581.129	(9.348.581.129)
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	2.990.264.001	(2.990.264.001)	3.390.264.001	(3.390.264.001)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh	102.000.000	(102.000.000)	102.000.000	(102.000.000)
Ô Lê Trọng Phú	700.000.000	(700.000.000)	700.000.000	(700.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.272.460.040	(1.272.460.040)	1.272.460.040	(1.272.460.040)
Cộng	29.213.327.484	(23.310.743.016)	29.707.178.484	(21.964.186.222)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	21.964.186.222	20.551.629.728
Trích lập dự phòng bổ sung	1.826.556.794	427.376.594
Hoàn nhập dự phòng	(480.000.000)	(499.999.999)
Số cuối kỳ	23.310.743.016	20.479.006.323

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.851.261.785	-	19.965.588.040	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.124.552.296	-	7.077.725.856	-
Thành phẩm	2.201.595.235	-	7.414.373.208	-
Hàng hoá	7.858.315.770	-	7.851.161.115	-
Cộng	47.035.725.086	-	42.308.848.219	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.186.887	86.188.853
Phí mở LC	27.081.702	36.660.170
Cộng	66.268.589	122.849.023

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	387.322.461	492.418.873
Chi phí sửa chữa tài sản	388.953.098	522.852.908
Chi phí thuê mặt bằng (*)	3.207.865.545	3.242.733.651
Tiền thuê đất	41.622.614	43.813.214
Chi phí trả trước dài hạn khác	84.078.311	104.257.109
Cộng	4.109.842.029	4.406.075.755

(*) Công ty thuê diện tích mặt bằng ô TMDV11 và ô TMDV26 trong tòa nhà T2 dự án Thăng Long Victory của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà theo Hợp đồng số TMDV11/HĐTMB- T2 và hợp đồng số TMDV26/HĐTMB- T2 ký ngày 12 tháng 12 năm 2018 để gán trừ thu hồi công nợ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP thời hạn thuê 49 năm theo thời hạn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của dự án.

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.587.518.537	37.285.599.554	4.068.429.190	303.101.590	50.244.648.871
Mua trong kỳ	-	3.019.279.774	-	-	3.019.279.774
Thanh lý, nhượng bán	-	(907.438.240)	-	-	(907.438.240)
Số cuối kỳ	8.587.518.537	39.397.441.088	4.068.429.190	303.101.590	52.356.490.405
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.430.938.757	31.260.378.302	514.807.099	303.101.590	38.509.225.748
Chờ thanh lý					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	7.672.491.402	33.554.087.657	2.381.019.132	303.101.590	43.910.699.781
Khấu hao trong kỳ	53.797.428	545.402.058	296.135.172	-	895.334.658
Thanh lý, nhượng bán	-	(907.438.240)	-	-	(907.438.240)
Số cuối kỳ	7.726.288.830	33.192.051.475	2.677.154.304	303.101.590	43.898.596.199

Giá trị còn lại

Số đầu năm	915.027.135	3.731.511.897	1.687.410.058	-	6.333.949.090
Số cuối kỳ	861.229.707	6.205.389.613	1.391.274.886	-	8.457.894.206

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 861.229.707 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	537.998.976
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà	-	537.998.976
Phải trả các nhà cung cấp khác	33.703.577.869	26.812.517.597
Cty TNHH MTV Thương mại Tuấn Tài	10.482.412.856	9.262.974.210
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Lâm Anh	7.697.594.693	7.993.464.470
Công ty Cổ phần VICEM Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng	8.457.150.667	3.465.487.025
Cty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	4.347.000.000	2.543.400.000
Các nhà cung cấp khác	2.719.419.653	3.547.191.892
Cộng	33.703.577.869	27.350.516.573

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.221.191.997	(4.221.191.997)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	584.545.628	497.766.399	(584.545.628)	497.766.399
Thuế thu nhập cá nhân	-	370.247.237	(50.377.317)	319.869.920
Thuế nhà đất	-	185.377.102	(103.396.688)	81.980.414
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	584.545.628	5.277.582.735	(4.962.511.630)	899.616.733

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.473.158.785	5.999.252.917
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.673.210	19.661.732
- Các khoản điều chỉnh giảm	(8.326.790)	(4.338.268)
Thu nhập tính thuế	2.488.831.995	6.018.914.649
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	497.766.399	1.203.782.930

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất, thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Vay ngắn hạn

Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Thành An theo hợp đồng vay số 01/2021/HĐCVHM/NHCT320-STP ngày 06 tháng 09 năm 2021, vay với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn vay đến hết ngày 31/08/2022. Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 VND.

Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất thuộc dự án đầu tư và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2015/HĐTC/CNHTY-STP ngày 21/01/2016.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	-	3.929.348.975
Số tiền vay phát sinh	45.033.867.807	37.523.751.976
Số tiền vay đã trả	(30.314.496.107)	(20.513.226.972)
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.856.531	(123.800.985)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	61.686.679	(41.495.726)
Số cuối kỳ	14.797.914.910	20.774.577.268

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	1.013.386.753	438.135
Chi quỹ trong kỳ	(53.600.000)	-
Số cuối kỳ	959.786.753	438.135

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80.457.440.000	42.261.553.850	(308.195.830)	11.381.893.567	8.792.071.817	142.584.763.404
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	4.795.469.987	4.795.469.987
Số dư cuối kỳ trước	<u>80.457.440.000</u>	<u>42.261.553.850</u>	<u>(308.195.830)</u>	<u>11.381.893.567</u>	<u>13.587.541.804</u>	<u>147.380.233.391</u>
Số dư đầu năm nay	80.457.440.000	42.261.553.850	(308.195.830)	11.381.893.567	7.922.148.044	141.714.839.631
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	1.975.392.386	1.975.392.386
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(6.417.650.400)	(6.417.650.400)
Số dư cuối kỳ này	<u>80.457.440.000</u>	<u>42.261.553.850</u>	<u>(308.195.830)</u>	<u>11.381.893.567</u>	<u>3.479.890.030</u>	<u>137.272.581.617</u>

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	80.457.440.000	80.457.440.000
Thặng dư vốn cổ phần	42.261.553.850	42.261.553.850
Cổ phiếu quỹ	(308.195.830)	(308.195.830)
Cộng	<u>122.410.798.020</u>	<u>122.410.798.020</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.045.744	8.045.744
Số lượng cổ phiếu đã phát hành công chúng	8.045.744	8.045.744
- Cổ phiếu phổ thông	8.045.744	8.045.744
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	23.681	23.681
- Cổ phiếu phổ thông	23.681	23.681
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.022.063	8.022.063
- Cổ phiếu phổ thông	8.022.063	8.022.063
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

14d. Phân phối lợi nhuận

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2022 như sau:

Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt (8%) : 6.417.650.400 VND

15. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 222,57 USD (số đầu năm là 261,46 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	13.356.887.916	18.421.160.140
Doanh thu bán thành phẩm	106.769.940.088	96.013.898.478
Doanh thu cung cấp dịch vụ	378.545.454	252.363.636
Doanh thu bán phế liệu	126.432.000	37.990.000
Cộng	<u>120.631.805.458</u>	<u>114.725.412.254</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, công ty không phát sinh giao dịch mua bán với các bên liên quan khác.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.200.278.649	17.783.629.873
Giá vốn của thành phẩm đã bán	95.868.133.302	84.203.799.582
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	300.917.346	211.472.734
Cộng	109.369.329.297	102.198.902.189

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	193.688.285	287.260.194
Lãi tiền ký quỹ	564.600	611.137
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.103.564.944	-
Lãi tiền cho vay	280.383.562	-
Lãi bán ngoại tệ	89.643.695	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	96.112.112	126.105.048
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	46.634.989
Cộng	1.763.957.198	460.611.368

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	220.595.334	201.266.620
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	37.684.602	11.079.676
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và đầu tư	2.259.086.276	810.611.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	55.722.265	-
Chi phí khác	6.962.605	1.997.350
Cộng	2.580.051.082	1.024.955.597

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	204.724.306	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	68.138.334	68.138.334
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.537.728.137	1.596.452.618
Chi phí bằng tiền khác	313.196.897	61.740.899
Cộng	2.123.787.674	1.726.331.851

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.983.101.500	3.221.632.295
Chi phí vật liệu quản lý	156.594.139	173.699.858
Chi phí đồ dùng văn phòng	113.615.322	108.103.195
Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.737.762	229.681.548
Thuế, phí và lệ phí	208.504.510	126.155.357
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.346.556.794	(72.623.405)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	462.218.602	609.807.338
Các chi phí khác	442.807.189	277.415.475
Cộng	5.919.135.818	4.673.871.661

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	100.000.000	491.240.593
Tiền thu phạt vi phạm quy chế công ty	5.300.000	3.350.000
Cộng	105.300.000	494.590.593

9. Chi phí khác

Là thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành, sản xuất.

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.975.392.386	4.795.469.987
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.975.392.386	4.795.469.987
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	8.022.063	8.022.063
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	246	598

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	83.799.293.303	79.162.335.505
Chi phí nhân công	10.735.016.875	11.468.040.180
Chi phí khấu hao tài sản cố định	895.334.658	1.298.649.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.506.087.423	6.145.046.160
Chi phí khác	2.460.427.935	506.451.851
Cộng	104.396.160.194	98.580.523.374

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về chi trả cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 935.138.400 VND.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này		Lương và các khoản phụ cấp		
		Thù lao	Tổng thu nhập	
Nguyễn Trọng San	Chủ tịch HĐQT	-	185.804.001	
Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	24.000.000	187.485.746	
Nguyễn Trọng Lợi	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	24.000.000	166.091.391	
Phùng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000	
Nguyễn Quang Thiều	Thành viên HĐQT	24.000.000	126.075.480	
Đỗ Văn Hách	Phó Tổng giám đốc	-	133.453.516	
Nguyễn Hồng Minh	Kế toán trưởng	-	100.168.760	
	Cộng	96.000.000	923.078.894	

Kỳ trước		Lương và các khoản phụ cấp		
		Thù lao	Tổng thu nhập	
Nguyễn Trọng San	Chủ tịch HĐQT	-	183.928.727	
Nguyễn Trọng Trãi	Thành viên HĐQT/ Tổng giám đốc	24.000.000	180.218.328	
Nguyễn Trọng Lợi	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng giám đốc	24.000.000	160.189.354	
Phùng Thị Huyền	Thành viên HĐQT	24.000.000	25.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Lương và các khoản phụ cấp		Thù lao	Tổng thu nhập
Nguyễn Quang Thiều	Thành viên HĐQT	98.198.619		24.000.000	122.198.619
Đỗ Văn Hách	Phó Tổng giám đốc	126.799.378		-	126.799.378
Nguyễn Hồng Minh	Kế toán trưởng	99.807.418		-	99.807.418
	Cộng	802.141.824		96.000.000	898.141.824

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP (trước đây là Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP)	Bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại HP như sau:

Lưu ý kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hoá	-	3.121.350.109
Thu tiền bán hàng	-	3.700.000.000
Bù trừ công nợ	13.851.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại.
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại, xi măng.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	106.896.372.088	13.723.833.370	120.620.205.458
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.896.372.088	13.723.833.370	120.620.205.458
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.028.238.786	222.637.375	11.250.876.161
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.042.923.492)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.207.952.669
Doanh thu hoạt động tài chính			1.763.957.198
Chi phí tài chính			(2.580.051.082)
Thu nhập khác			105.300.000
Chi phí khác			(24.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(497.766.399)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.975.392.386
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.113.825.229		3.113.825.229
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.286.113.839		1.286.113.839
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	96.018.588.478	18.673.523.776	114.692.112.254
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.018.588.478	18.673.523.776	114.692.112.254
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.814.788.896	678.421.169	12.493.210.065
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.400.203.512)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.093.006.553
Doanh thu hoạt động tài chính			460.611.368
Chi phí tài chính			(1.024.955.597)
Thu nhập khác			494.590.593
Chi phí khác			(24.000.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.203.782.930)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			4.795.469.987

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Cộng</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>2.212.188.130</u>	-	<u>2.212.188.130</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>1.554.327.885</u>	-	<u>1.554.327.885</u>

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>107.016.026.470</u>	<u>24.148.603.443</u>	131.164.629.913
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			58.598.845.419
Tổng tài sản			<u>189.763.475.332</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>34.691.871.105</u>		34.691.871.105
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			17.799.022.610
Tổng nợ phải trả			<u>52.490.893.715</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>96.230.787.300</u>	<u>32.093.615.558</u>	128.324.402.858
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			47.294.620.848
Tổng tài sản			<u>175.619.023.706</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>30.239.384.863</u>		30.239.384.863
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			3.664.799.212
Tổng nợ phải trả			<u>33.904.184.075</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty bao gồm cung cấp hàng hóa, thành phẩm cho các khách hàng trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Khu vực trong nước	<u>104.470.696.037</u>	101.454.994.693
Khu vực nước ngoài	<u>16.149.509.421</u>	13.237.117.561
Cộng	<u>120.620.205.458</u>	<u>114.692.112.254</u>

Các chi phí mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận phát sinh tại khu vực trong nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 10 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Ngô Thị Pho

Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Trái